



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU
Địa chỉ: Lô B5, KCN Trà Kha, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 0291 3780 781
Website: www.biasaigonbaclieu.com

TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 4 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông/đại diện ủy quyền :

Số lượng cổ phần sở hữu	:	00 cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền	:	00 cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện	:	00 cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông/đại diện ủy quyền :

Số lượng cổ phần sở hữu : cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền : cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đại diện : **cổ phần**

(01 cổ phần = 01 phiếu biểu quyết)

NỘI DUNG	Ý kiến lựa chọn		
	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Tờ trình thông qua BCTC năm 2025 đã được kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Tờ trình quyết toán thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Tờ trình kế hoạch thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Tờ trình về việc ký hợp đồng và giao dịch cần ĐHĐCĐ thông qua	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Tờ trình sửa đổi điều lệ công ty năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X hoặc √) vào 1 trong 3 ô đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 15 tháng 04 năm 2026
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian : 10h00, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Địa điểm : Hội trường Nhà máy Bia Sài Gòn – Vĩnh Long,
Số 11, khóm Tân Vĩnh Thuận, phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long

Thời gian	Chương trình
09h30 – 10h00	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu họp;
10h00 – 10h10	- Giới thiệu khách mời; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội;
10h10 – 10h20	Giới thiệu nhân sự Đại hội: Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu - Thông qua nhân sự Đại hội - Thông qua Chương trình Đại hội; - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội;
10h20 – 11h10	Các báo cáo và tờ trình tại Đại hội 1. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026 2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 3. Tờ trình thông qua BCTC năm 2025 đã được kiểm toán 4. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026 5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025 6. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 7. Tờ trình quyết toán thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát 8. Tờ trình kế hoạch thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát 9. Tờ trình về việc ký hợp đồng và giao dịch cần ĐHCĐ thông qua 10. Tờ trình sửa đổi điều lệ công ty năm 2026 Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
11h10 – 11h25	Thảo luận
11h25 – 11h45	- Hướng dẫn biểu quyết - Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo và các tờ trình tại Đại hội - Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11h45 – 11h55	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11h55 – 12h00	Tuyên bố bế mạc Đại hội

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Thị Hồng Hạnh

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu năm 2026 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị (HDQT) xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

Quy chế tổ chức được xây dựng nhằm đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu năm 2026 (sau đây gọi tắt là ĐHĐCĐ hoặc Đại hội) diễn ra đúng quy định.

Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

II. NỘI DUNG QUY CHẾ:

1. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ:

- Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục II, thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Mục II, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu theo danh sách chốt ngày **13/03/2026** đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. **Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần có quyền biểu quyết của mỗi người đại diện.**

Khách mời tại Đại hội: Là các chức danh quản lý của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu, khách mời, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

3. Khách mời, cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau:

Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.

Cổ đông đăng ký và tham gia Đại hội, và nhận hồ sơ tài liệu, tại bộ phận đón tiếp.

Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi cổ đông đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Đề điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa Đại hội.

Trường hợp có cổ đông không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4. Chủ tọa Đại hội:

Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số Thành viên HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp

Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

✓ Chủ trì Đại hội quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.

✓ Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

✓ Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội diễn ra.

✓ Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.

5. Ban Thư ký Đại hội:

Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.

Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội:

- ✓ Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa.
- ✓ Tiếp nhận phiếu câu hỏi và/ hoặc ý kiến của cổ đông.
- ✓ Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản họp Đại hội và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Chủ tọa và thư ký ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp

6. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

- ✓ Ban kiểm tra tư cách Đại biểu có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách Đại biểu tham dự Đại hội.
- ✓ Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Đại biểu trước Đại hội.
- ✓ Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách Đại biểu tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách Đại biểu có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

7. Ban kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu, cổ đông và/hoặc đơn vị tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- ✓ Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu phát ra
- ✓ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết
- ✓ Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện ủy quyền
- ✓ Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu
- ✓ Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

8. Phát biểu tại Đại hội:

Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

9. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội:

a. Các quy định chung về biểu quyết:

- ✓ Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- ✓ Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát trực tiếp: **một**

(01) Thẻ biểu quyết và một (01) Phiếu biểu quyết có ghi mã số đại biểu số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết các nội dung theo chương trình Đại hội

b. Thẻ thức biểu quyết, trình tự xin ý kiến biểu quyết:

Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự:

- ✓ Tán thành với nội dung vừa được trình;
- ✓ Không tán thành với nội dung vừa được trình;
- ✓ Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

Tại Đại hội, cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

- ❖ **Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông/người được ủy quyền giơ Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía Chủ tọa.
 - ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
 - ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề, thì được xem như biểu quyết không tán thành vấn đề đó.
 - ✓ Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
 - ✓ Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có).
- ❖ **Phương thức điền vào “Phiếu biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung thuộc Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội.

c. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

❖ **Phiếu biểu quyết hợp lệ:**

- ✓ Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra.
- ✓ Không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi các nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban Tổ chức.
- ✓ Phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền tham dự.
- ✓ Đối với mỗi nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình): Thẻ có chọn một (01)

trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

❖ Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- ✓ Là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- ✓ Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận, kiểm tra số phiếu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến của từng nội dung thông qua tại Đại hội. Đồng thời chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:

- ✓ Đối với quyết định các nội dung liên quan đến loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần bia Sài Gòn- Bạc Liêu; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu; tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu; gia hạn hoạt động Công ty được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/ người được ủy quyền dự họp tán thành.
- ✓ Đối với các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông/ người được ủy quyền đại diện cho trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Lưu ý:

- ✓ Đối với các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 3, Điều 167 Luật Doanh nghiệp, cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

10. Biên bản và Nghị Quyết ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung chính tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.

Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu lại tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.

III. THỰC HIỆN:

Tất cả các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu và các quy định pháp luật có liên quan, chấp hành các quyết định của Chủ tọa, Ban tổ chức Đại hội. Nếu vi phạm tùy theo mức độ Chủ tọa Đại hội sẽ áp dụng các biện pháp xử lý từ việc hạn chế không được phát biểu, trực xuất ra khỏi hội trường nơi diễn ra Đại hội, hoặc chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

Số: 01/BC-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin trân trọng báo cáo trước Đại hội về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao trong năm 2025 của Hội đồng quản trị với một số nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

đvt: vnd

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ
01	Doanh thu thuần	134.600.500.666	115.997.309.667	86,2%
02	Lợi nhuận trước thuế	470.198.586	1.189.369.648	253,0%
03	Lợi nhuận sau thuế	16.158.868	646.887.688	4.003,3%

Phân tích kết quả thực hiện: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh thị trường bia tiếp tục suy giảm, sản lượng tiêu thụ thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và hiệu quả hoạt động.

- **Doanh thu thuần đạt 115,997 tỷ đồng, đạt 86,2% kế hoạch**, do sản lượng giao chỉ đạt 82,8% so với kế hoạch.
- **Lợi nhuận trước thuế đạt 1,189 tỷ đồng;**
- **Lợi nhuận sau thuế đạt 646,9 triệu đồng;**
- **Thực hiện đầy đủ tiền lương CBCNV theo kế hoạch ĐHCĐ.**

Tuy nhiên, HĐQT nhận định:

- **Hoạt động sản xuất kinh doanh chính lỗ 2,4 tỷ đồng** (chưa đạt điểm hòa vốn);
- Lợi nhuận đạt được chủ yếu từ các khoản thu nhập không thường xuyên, bao gồm:
 - Bán CO2 là 107 triệu đồng
 - Thanh lý chai, két: 3,3 tỷ đồng, xe tải: 0,2 tỷ đồng.

⇒ Điều này cho thấy hiệu quả lợi nhuận năm 2025 **chưa mang tính bền vững**, do năng lực sinh lời không đến từ hoạt động chính.

Các chỉ số tài chính:

- **Biên lợi nhuận trước thuế: ~1,02%**
- **Biên lợi nhuận sau thuế: ~0,56%**

⇒ Mức lợi nhuận thấp, cho thấy hiệu quả kinh doanh còn hạn chế.

- Nhà máy đã tích cực triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí:

- Giảm định mức điện: 0,33 kWh/1.000 lít bia
- Giảm tiêu hao hơi: 20,78 kg/1.000 lít

2. Các giải pháp điều hành đã triển khai

Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai đồng bộ các giải pháp:

- Công ty đã nghiêm túc thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu Sabeco;
- Tổ chức sản xuất tinh gọn, tối ưu nhân sự (86 lao động);
- Kiểm soát chặt chi phí, định mức tiêu hao;
- Chủ động bảo trì thiết bị, tiết kiệm chi phí phụ tùng;
- Phối hợp với Sabeco khu vực đóng góp 1,6 tỷ đồng chi phí thị trường, để đẩy hỗ trợ giao hàng;
- Thanh lý tài sản, chai kết không sử dụng, thu hồi vốn 3,5 tỷ đồng.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp trong năm, ban hành các nghị quyết kịp thời, đúng thẩm quyền.
- Công tác quản trị tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin, đảm bảo minh bạch.

Giám sát Ban điều hành/ HĐQT đánh giá:

- HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện tốt các chỉ đạo HĐQT, kiểm soát tốt chi phí, duy trì hoạt động ổn định và đảm bảo chất lượng sản phẩm đúng theo tiêu chuẩn Sabeco.
- Chủ động phối hợp với hệ thống Sabeco và bám sát thị trường khu vực và đóng góp hỗ trợ chi phí bán hàng 1,6 tỷ đồng;

Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và hậu kiểm thuế đến hết năm 2023.

⇒ Trong điều kiện khó khăn, Công ty **không phát sinh lỗ**, đảm bảo lợi ích người lao động, cổ đông.

4. Thù lao HĐQT

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

5. Giao dịch với các bên liên quan

Được trình bày đầy đủ trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán.

II. ĐỊNH HƯỚNG HĐQT HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Đánh giá bối cảnh sản xuất kinh doanh:

- Thị trường bia khu vực tiếp tục suy giảm (nhất là nhu cầu sử dụng bia chai giảm mạnh);
- Sản lượng kế hoạch được phân bổ thấp hơn điểm hòa vốn;
- Thời gian ngừng sản xuất kéo dài ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Như vậy năm 2026 tiếp tục là năm nhiều thách thức đối với Công ty.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ KH26/TH25
1	Doanh thu thuần	115.997.309.667	121.023.901.162	104 %
2	Lợi nhuận trước thuế	1.189.369.648	505.150.410	42 %
3	Lợi nhuận sau thuế	646.887.688	12.230.771	1,9 %

Phân tích kế hoạch 2026

- Doanh thu dự kiến tăng nhẹ 4%
- Lợi nhuận giảm mạnh do:
 - Tiếp tục khó khăn về sản lượng và giao hàng;
 - Chi phí cố định cao.

Chỉ số tài chính dự kiến

- Biên lợi nhuận trước thuế: ~0,42%;
- Biên lợi nhuận sau thuế: ~0,01%

⇒ Công ty cố gắng **duy trì ổn định, đảm bảo an toàn tài chính.**

3. Kế hoạch đầu tư

- Tổng chi phí dự kiến: **2,59 tỷ đồng**, tập trung:

- Triển khai thực hiện tốt công tác bảo trì theo kế hoạch Sabeco;
- Sửa chữa nhà xưởng, hạ tầng nội bộ;
- Công ty xin phép Sabeco cho chuyển đổi đầu tư lắp đặt 01 dây chuyền chiết bia lon, công suất khoảng 20 ngàn /lon/giờ.

- Công ty sẽ triển khai lắp đặt hệ thống Pin mặt trời (**đã được tỉnh đồng ý**), dự kiến vận hành ngày 20/05/2026.

4. Giải pháp thực hiện

- Cam kết đảm bảo tuân thủ chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn Sabeco, phối hợp hệ thống thương mại khu vực để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của nhà máy;
- Bố trí lao động linh hoạt, hợp lý;
- Siết chặt chi phí, nâng cao hiệu quả quản trị;
- Phối hợp bảo trì, chủ động nguồn lực kỹ thuật theo qui định Sabeco.

III. KẾT LUẬN

1. Năm 2025, trong bối cảnh nhiều khó khăn, Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động, đảm bảo không phát sinh lỗ. Tuy nhiên, hiệu quả kinh doanh chính vẫn còn hạn chế và phụ thuộc vào yếu tố không thường xuyên. HĐQT đề nghị không chia cổ tức.

2. Năm 2026, Công ty **cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí. Đồng thời mong muốn Sabeco và cổ đông chấp thuận chủ trương cho Công ty được chuyển đổi đầu tư một dây chuyền chiết lon, công suất khoảng 20 ngàn lon/giờ.**

Hội đồng quản trị trân trọng cảm ơn sự đồng hành của Quý Cổ đông, Sabeco, các đối tác và cơ quan quản lý, địa phương, đồng thời mong tiếp tục nhận được các ý kiến đóng góp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 về quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát;
Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Bạc Liêu;
Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty;
Căn cứ kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) và hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) trong năm 2025,*

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 cụ thể như sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu.

Trong năm thù lao, thưởng của BKS thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt cụ thể như sau:

- Thù lao Trưởng ban kiểm soát: 08 triệu đồng/tháng và thành viên: 04 triệu đồng/tháng.

2. Các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025

2.1. Tổng kết số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2025.

- Trong năm 2025 Ban Kiểm soát họp định kỳ hằng quý.
- Ban kiểm soát đã xem xét tính pháp lý, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và BDH Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính cũng như việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành, nắm bắt tình hình hoạt động và tham gia ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.
- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2025.

2.2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Doanh thu thuần năm 2025 đạt 86,2% so với kế hoạch. Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2025 lãi 16 triệu đồng, thực hiện lãi 647 triệu đồng.

- HĐQT đã họp định kỳ hàng quý để có chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban Giám đốc trong công tác triển khai các nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh năm 2025.
- Ban Điều hành chú trọng công tác quản trị sản xuất, định mức ổn định, chất lượng sản phẩm đạt theo tiêu chuẩn của Tổng Công ty.
- Ban điều hành nắm bắt và thực hiện kịp thời chính sách gia hạn nộp thuế để giảm chi phí lãi vay, rà soát thanh lý vật tư, bao bì không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn.

2.3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban điều hành của Công ty

- Trong năm HĐQT đã tổ chức họp để triển khai, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Các Nghị quyết của HĐQT có nội dung phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.
- Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ, tuân thủ đúng các Nghị quyết của HĐQT, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định trong Điều lệ của Công ty.

2.4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông

- Ban kiểm soát nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông giao. Trong năm BKS đã cùng tham gia các cuộc họp HĐQT và Ban điều hành để thực hiện việc giám sát và có ý kiến trực tiếp về các vấn đề thuộc quyền hạn của BKS.

2.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Các giao dịch giữa công ty với các đối tượng nêu trên trong năm 2025 chi tiết như sau:

Đvt: VNĐ

TT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số GCN doanh nghiệp	Giá trị giao dịch	Giao dịch
1	TCT CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Công ty có liên quan đến người nội bộ	0300583659	108.365.544.902	Bán bia
				38.736.213.853	Mua nguyên vật liệu
2	Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây	Công ty có liên quan đến người nội bộ	1800586579	1.201.200.000	Chi cổ tức

TT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số GCN doanh nghiệp	Giá trị giao dịch	Giao dịch
3	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong hệ thống Sabeco	0303140574	1.595.159.799.	Cho thuê kho, dịch vụ kho và vận hành kho, phí sàng lọc bao bì, điện, nước, phí sử dụng pallet.
				733.900.000.	Bán bao bì
				393.621.799.	Phí sử dụng bao bì, phụ phí pallet.
4	Công ty TNHH một thành viên cơ khí Sa be co	Công ty trong hệ thống Sabeco	0305815166	24.000.000	Chi phí sửa chữa phụ tùng.
5	Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Công ty trong hệ thống Sabeco	1800620445	1.330.120.000.	Chi phí hỗ trợ bán hàng
6	Chi Nhánh Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya - Việt Nam	Công ty trong hệ thống Sabeco	0300692986-001	18.343.500.	Bán miếng chai
7	Công ty cổ phần du lịch Bạc Liêu	Công ty có liên quan đến người nội bộ	1900135234	238.191.624.	Mua dịch vụ ăn uống, lưu trú, vé máy bay

- Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban

Nguyễn Tấn Phiên

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/TTr-BKS

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 và các giai đoạn có liên quan khác của Công ty như Công ty kiểm toán độc lập của Tổng công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn, từ danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán các Công ty có lợi ích công chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết niên độ năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban**

Nguyễn Tấn Phiên

CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

Số: 01/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ Điểm f, Khoản 1, Điều 15, Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình HĐQT biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 22 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 24 tháng 7 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp (trước đây là “Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu”).

Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
	Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Tấn Phiên	Trưởng ban Kiểm soát
	Bà Dương Thị Thúy Hồng	Thành viên
	Bà Trần Thị Ngọc Diệp	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Trịnh Công Vinh	Giám đốc
	Ông Huỳnh Vạn Đồng	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký
Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha
Phường Bạc Liêu
Tỉnh Cà Mau
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu **Báo cáo của Ban Giám đốc**


Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:


- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc


Trịnh Công Vinh
Giám đốc

Thay mặt Hội đồng Quản trị


Phạm Thị Hồng Hạnh
Chủ tịch



Tỉnh Cà Mau, ngày 19 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TY
AN
T.C

3

#



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00547-26-1



Nguyễn Thủy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		67.123.498.302	84.278.188.421
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	55.796.993.548	57.738.492.583
Tiền	111		296.993.548	278.492.583
Các khoản tương đương tiền	112		55.500.000.000	57.460.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.646.798.645	13.032.954.188
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.594.172.350	15.938.630.012
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		95.078.407	93.602.237
Phải thu ngắn hạn khác	136		37.718.888	80.892.939
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7	(3.080.171.000)	(3.080.171.000)
Hàng tồn kho	140	8	8.421.125.859	13.357.325.168
Hàng tồn kho	141		10.207.726.870	13.357.325.168
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.786.601.011)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		258.580.250	149.416.482
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		258.580.250	149.416.482
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		156.145.068.104	172.961.146.693
Tài sản cố định	220		155.028.472.823	171.807.200.677
Tài sản cố định hữu hình	221	9	155.028.472.823	171.807.200.677
Nguyên giá	222		490.942.850.924	491.430.816.022
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(335.914.378.101)	(319.623.615.345)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	211.446.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(211.446.165)
Tài sản dài hạn khác	260		1.116.595.281	1.153.946.016
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	759.275.079	1.153.946.016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		357.320.202	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		223.268.566.406	257.239.335.114

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

190
 CC
 SA
 BAC
 11
 HI
 NG
 KI
 HO

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		44.803.464.999	73.215.121.395
Nợ ngắn hạn	310		43.758.987.993	72.604.647.964
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.563.051.471	4.673.453.801
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	20.140.894.210	24.099.194.752
Phải trả người lao động	314		3.681.527.373	2.210.413.978
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.560.106.122	1.166.511.393
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		144.581.819	138.181.819
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	882.098.662	603.574.250
Vay ngắn hạn	320	15	13.770.218.855	39.696.808.490
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	16.509.481	16.509.481
Nợ dài hạn	330		1.044.477.006	610.473.431
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	1.044.477.006	610.473.431
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		178.465.101.407	184.024.213.719
Vốn chủ sở hữu	410	18	178.465.101.407	184.024.213.719
Vốn cổ phần	411	19	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	27.919.729.439	27.919.729.439
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.425.371.968	35.984.484.280
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		29.778.484.280	34.049.209.469
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		646.887.688	1.935.274.811
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		223.268.566.406	257.239.335.114

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	115.997.309.667	140.320.358.640
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	103.402.155.064	126.768.239.679
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		12.595.154.603	13.552.118.961
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.695.036.944	1.023.691.462
Chi phí tài chính	22		1.507.780.364	737.326.424
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.507.780.364	737.326.424
Chi phí bán hàng	25	25	1.918.629.627	2.069.459.265
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.789.232.793	8.994.060.744
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.074.548.763	2.774.963.990
Thu nhập khác	31		197.521.886	38.500.000
Chi phí khác	32		82.701.001	15.349.429
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		114.820.885	23.150.571
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.189.369.648	2.798.114.561
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	465.798.587	1.244.938.865
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	28	76.683.373	(382.099.115)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		646.887.688	1.935.274.811
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	54	161

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.189.369.648	2.798.114.561
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	17.373.273.453	20.952.232.210
Các khoản dự phòng	03	1.786.601.011	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.860.525.528)	(1.062.191.462)
Chi phí lãi vay	06	1.507.780.364	737.326.424
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	18.996.498.948	23.425.481.733
Biến động các khoản phải thu	09	10.386.155.543	11.358.608.605
Biến động hàng tồn kho	10	3.149.598.298	(509.133.747)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.570.997.017)	(24.692.762.524)
Biến động chi phí trả trước	12	285.507.169	298.506.256
		31.246.762.941	9.880.700.323
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.523.863.144)	(709.688.407)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.178.917.126)	(1.888.185.478)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.343.982.671	7.282.826.438
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.526.578.901)	(93.438.456)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	207.521.886	38.500.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(54.100.000.000)	-
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	54.100.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.695.036.944	1.023.691.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.375.979.929	968.753.006

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	154.817.319.757	215.479.542.978
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(180.743.909.392)	(175.782.734.488)
Tiền chi trả cổ tức	36	(5.734.872.000)	(5.973.396.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.661.461.635)	33.723.412.490
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.941.499.035)	41.974.991.934
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	57.738.492.583	15.763.500.649
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	55.796.993.548	57.738.492.583

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã là SBL.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa liên tỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 86 nhân viên (1/1/2025: 87 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

397
CÔNG TY
HÀNG
BIER
T.C.P.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí bảo dưỡng

Chi phí bảo dưỡng phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí bảo dưỡng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

333
NG
PH
31
ON-RI
TÈU

087
CH
ON
K
PH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



04
NH
TY
M
HỒ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	76.094.717	41.589.789
Tiền gửi ngân hàng	220.898.831	236.902.794
Các khoản tương đương tiền (*)	55.500.000.000	57.460.000.000
	55.796.993.548	57.738.492.583

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2025: 4,7% một năm).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	2.355.397.000	12.783.020.316
Các khách hàng khác	158.604.350	75.438.696
	5.594.172.350	15.938.630.012

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	2.355.397.000	12.783.020.316
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	106.968.590	74.838.696

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2025 và 1/1/2025		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	(3.080.171.000)	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.940.281.857	-	3.304.393.164	-
Công cụ và dụng cụ	2.477.930.094	(1.786.601.011)	2.871.251.558	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.208.861.049	-	6.737.649.513	-
Thành phẩm	580.653.870	-	444.030.933	-
	10.207.726.870	(1.786.601.011)	13.357.325.168	-

Biến động của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND
Tăng trong năm và số dư cuối kỳ	1.786.601.011

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	112.464.864.105	371.577.677.636	5.998.968.590	1.389.305.691	491.430.816.022
Tăng trong năm	-	636.578.901	-	-	636.578.901
Thanh lý	-	(475.818.181)	(648.725.818)	-	(1.124.543.999)
Số dư cuối năm	112.464.864.105	371.738.438.356	5.350.242.772	1.389.305.691	490.942.850.924
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.854.208.421	259.999.471.684	5.469.494.327	1.300.440.913	319.623.615.345
Khấu hao trong năm	4.594.064.024	12.586.280.149	159.694.176	33.235.104	17.373.273.453
Thanh lý	-	(433.784.879)	(648.725.818)	-	(1.082.510.697)
Số dư cuối năm	57.448.272.445	272.151.966.954	4.980.462.685	1.333.676.017	335.914.378.101
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	59.610.655.684	111.578.205.952	529.474.263	88.864.778	171.807.200.677
Số dư cuối năm	55.016.591.660	99.586.471.402	369.780.087	55.629.674	155.028.472.823

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 135.393 triệu VND (1/1/2025: 108.780 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 125.411 triệu VND (1/1/2025: 138.473 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo dưỡng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	722.662.686	431.283.330	1.153.946.016
Tăng trong năm	354.720.000	27.314.815	382.034.815
Phân bổ trong năm	(553.043.710)	(223.662.042)	(776.705.752)
Số dư cuối năm	524.338.976	234.936.103	759.275.079

11. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	1.436.529.600	1.354.176.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cửu Long	372.375.551	-
Công ty TNHH Công nghệ Nồi hơi Phú Hưng	270.698.814	314.911.532
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	160.462.886	106.143.272
Công ty TNHH Chế biến lương thực Trường Thắng	100.000.000	491.979.200
Công ty TNHH Camic Việt Nam	-	204.187.500
Các nhà cung cấp khác	222.984.620	2.202.056.297
	2.563.051.471	4.673.453.801

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	1.436.529.600	1.354.176.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	160.462.886	106.143.272
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	-	202.834.800

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ Cán trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	19.582.356.576	115.103.904.368	(117.795.964.424)	16.890.296.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.178.917.126	465.798.587	(1.178.917.126)	465.798.587
Thuế giá trị gia tăng	3.182.958.696	22.889.700.741	(23.318.192.837)	2.754.466.600
Thuế thu nhập cá nhân	147.283.954	663.641.522	(790.746.973)	20.178.503
Thuế tài nguyên	7.678.400	94.683.360	(92.207.760)	10.154.000
Các loại thuế khác	-	2.156.317.958	(2.156.317.958)	-
	24.099.194.752	141.374.046.536	(145.332.347.078)	20.140.894.210

13. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí điện	175.243.006	170.699.816
Chi phí lãi vay	11.555.237	27.638.017
Chi phí thuê đất	829.765.478	829.765.478
Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	193.000.000	-
Lương và phụ cấp cho người lao động	1.200.000.000	-
Chi phí khác	150.542.401	138.408.082
	2.560.106.122	1.166.511.393

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức	310.596.000	39.468.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.000.000	210.000.000
Phải trả khác	361.502.662	354.106.250
	882.098.662	603.574.250

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	39.696.808.490	154.817.319.757	(180.743.909.392)	13.770.218.855

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh 4	VND	4,3% - 4,4%	13.770.218.855	39.696.808.490

Khoản vay từ Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 4 được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 125.411 triệu VND (1/1/2025: 138.473 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.509.481	261.508.032
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 18)	200.000.000	-
Sử dụng	(200.000.000)	-
Điều chỉnh (Thuyết minh 18)	-	(244.998.551)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	16.509.481	16.509.481

17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế	31/12/2025	1/1/2025
	suất	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Thay đổi khấu hao tài sản cố định	20%	1.044.477.006	610.473.431
		<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	120.120.000.000	27.919.729.439	39.565.212.367	187.604.941.806
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.935.274.811	1.935.274.811
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	244.998.551	244.998.551
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	244.998.551	244.998.551
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(6.006.000.000)	(6.006.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	120.120.000.000	27.919.729.439	35.984.484.280	184.024.213.719
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	646.887.688	646.887.688
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(6.006.000.000)	(6.006.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	120.120.000.000	27.919.729.439	30.425.371.968	178.465.101.407

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

20. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết nghị chia cổ tức cho các cổ đông trong năm như sau:

	Năm kết thúc			
	31/12/2025		31/12/2024	
	Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá	VND	Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá	VND
Cổ tức đã công bố trong năm	5%	6.006.000.000	5%	6.006.000.000

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	1.748.327.643	476.708.749
Từ hai đến năm năm	5.297.818.714	1.906.834.997
Sau năm năm	13.870.580.268	14.347.289.017
	<hr/>	<hr/>
	20.916.726.625	16.730.832.763

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	108.365.544.902	133.785.628.680
▪ Cung cấp dịch vụ	1.967.520.149	2.267.145.677
▪ Doanh thu khác	5.664.244.616	4.267.584.283
	<hr/>	<hr/>
	115.997.309.667	140.320.358.640

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	102.413.971.249	125.857.781.512
▪ Dịch vụ đã cung cấp	988.183.815	910.458.167
	<hr/>	<hr/>
	103.402.155.064	126.768.239.679

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Chi phí bán hàng**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.330.120.000	1.253.866.667
Chi phí quảng cáo và truyền thông	150.408.219	312.850.867
Chi phí bán hàng khác	438.101.408	502.741.731
	<hr/>	<hr/>
	1.918.629.627	2.069.459.265

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	4.915.412.128	5.067.233.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.011.248.401	1.663.674.143
Chi phí khấu hao và phân bổ	11.158.457	19.439.757
Chi phí quản lý khác	1.851.413.807	2.243.713.041
	<hr/>	<hr/>
	10.789.232.793	8.994.060.744

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	58.736.128.828	82.532.530.762
Chi phí nhân công và nhân viên	20.394.335.975	19.391.601.422
Chi phí khấu hao và phân bổ	17.373.273.453	20.952.232.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.128.620.367	6.759.737.135
Chi phí khác	10.085.493.334	9.298.263.950
	<hr/>	<hr/>

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	465.798.587	1.244.938.865
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	76.683.373	(382.099.115)
	542.481.960	862.839.750

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.189.369.648	2.798.114.561
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	237.873.930	559.622.912
Chi phí không được khấu trừ thuế	304.608.030	303.216.838
	542.481.960	862.839.750

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	646.887.688	1.935.274.811

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND	2024 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	54	161

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	108.365.544.902	133.785.628.680
Mua nguyên vật liệu	38.736.213.853	56.053.841.204
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Cổ tức đã trả	1.201.200.000	1.201.200.000
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	24.000.000	312.810.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	1.595.159.799	1.966.629.123
Bán bao bì	733.900.000	-
Phí sử dụng vỏ chai và phí pallet	393.621.799	406.604.044
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	-	79.420.800
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.330.120.000	1.253.866.667
Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu		
Mua dịch vụ	238.191.624	201.678.246
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya		
Bán phế liệu	18.343.500	17.355.500
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	216.000.000	216.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	84.000.000	120.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi	1.915.032.217	2.166.587.808
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Tấn Phiên – Trưởng ban Kiểm soát	96.000.000	96.000.000
Bà Dương Thị Thúy Hồng – Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Diệp – Thành viên	48.000.000	48.000.000

03339
ÔNG T
Ồ PH
IA
IGON-BAC
LIÊU-T

31. Chi phí đã trả và phải trả cho kiểm toán viên

	2025 VND	2024 VND
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	89.000.000	85.000.000
Chi phí soát xét thông tin tài chính	63.000.000	60.000.000
	152.000.000	145.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc



TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm 2025, cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Kế hoạch 2025		Thực hiện 2025	
		Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)	Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ		29.778,48		29.778,48
2	Lợi nhuận sau thuế		16,16		646,89
3	Phân phối lợi nhuận				0,00
3.1	Chia cổ tức bằng tiền		(*)		0,00
3.2	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS			0,00	
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ		29.794,64		30.425,37

(*) Nếu KQKD 2025 tốt, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ vấn đề chia cổ tức và trích quỹ khen thưởng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Thị Hồng Hạnh

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Thực hiện 2025		Kế hoạch 2026	
		Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)	Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ		29.778,48		30.425,37
2	Lợi nhuận sau thuế		646,89		12,23
3	Phân phối lợi nhuận		0,00		
3.1	Chia cổ tức bằng tiền		0,00	(*)	
3.2	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS		0,00		
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ		30.425,37		30.437,60

(*) Nếu KQKD 2026 tốt, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ vấn đề chia cổ tức và trích quỹ khen thưởng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Thị Hồng Hạnh

TỜ TRÌNH

V/v: *Quyết toán thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua việc quyết toán thù lao năm 2025 đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
1	Số lượng các thành viên HĐQT kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quỹ thù lao	đồng	696.000.000	660.000.000

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
I	Thành viên chuyên trách			
1	Số lượng các thành viên	Người	1	1
2	Quỹ thù lao	đồng	96.000.000	96.000.000
II	Thành viên kiêm nhiệm			
1	Số lượng các thành viên	Người	2	2
2	Quỹ thù lao	đồng	96.000.000	96.000.000
III	Tổng tiền	đồng	192.000.000	192.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua chi phí thù lao năm 2026 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị:

Tt	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Số lượng các thành viên HĐQT kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quỹ thù lao	đồng	660.000.000	696.000.000

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát:

Tt	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
I	Thành viên chuyên trách			
1	Số lượng các thành viên	Người	1	1
2	Quỹ thù lao	đồng	96.000.000	96.000.000
II	Thành viên kiêm nhiệm			
1	Số lượng các thành viên	Người	2	2
2	Quỹ thù lao	đồng	96.000.000	96.000.000
III	Tổng tiền	đồng	192.000.000	192.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

TỜ TRÌNH

V/v: Ký hợp đồng với người có liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Theo Điểm q, Khoản 2, Điều 15 Điều lệ Công ty quy định: “Đại hội đồng cổ đông quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất”.

Để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật và điều lệ, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Công ty ký kết các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất giữa Công ty với người có liên quan của Công ty như sau:

1. Hợp đồng sản xuất và cung ứng giữa Công ty với Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Mã số DN: 0300583659) và Công ty TNHH MTV TM Bia Sài Gòn (Mã số DN: 0303140574).
2. Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất giữa Công ty với Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Mã số DN: 0300583659).

Giao người đại diện pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để ký kết và thực hiện các Hợp đồng, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hợp đồng (nếu có) phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO
MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
VÀ KIỂM SOÁT SẢN XUẤT
NĂM 2026
Số:

Hợp đồng này được lập ngày tháng năm 2026 bởi và giữa:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Địa chỉ: 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38294083 Fax: 028.38227142
Mã số thuế: 0300583659
Đại diện: Chức vụ:

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

Địa chỉ: Lô B5, KCN Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 0291 3780 781
Mã số thuế: 1900333973
Đại diện: Chức vụ :

Sau khi thương lượng, thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:

1. Nội dung Hợp đồng

Bên A đồng ý bán cho Bên B các vật tư, nguyên vật liệu dùng trong sản xuất bia và kiểm soát quá trình sản xuất các sản phẩm Bia Sài Gòn.

2. Tên hàng – số lượng – đơn giá nguyên vật liệu

- 2.1 Số lượng căn cứ kế hoạch sản xuất năm 2026, số lượng nguyên vật liệu có thể thay đổi tùy theo số lượng sản phẩm Bên A giao cho Bên B sản xuất. Trong trường hợp thay đổi, hai Bên thương thảo ký Phụ lục bổ sung Hợp đồng để điều chỉnh lượng nguyên vật liệu mua - bán cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 2.2 Đơn giá các nguyên vật liệu là giá kế hoạch dựa trên kế hoạch sản xuất năm, kế hoạch hợp đồng mua nguyên vật liệu cho cả năm, các ước tính cho quá trình cung ứng nguyên vật liệu do Bên A xây dựng.
- 2.3 Hàng tháng Bên A gửi thông báo giá bán cho Bên B để làm cơ sở xuất hóa đơn bán hàng trong tháng.
- 2.4 Đơn giá các nguyên liệu là giá tạm tính. Căn cứ vào chi phí mua nguyên vật liệu, vận chuyển thực tế phát sinh trong tháng, Bên A sẽ lập biên bản quyết toán giá bán và xuất hóa đơn điều chỉnh giá bán vào tháng liền kề.

3. Phương thức giao nhận nguyên vật liệu

- 3.1 Hình thức giao nhận:

3.1.1 Hàng hóa được giao nguyên đai, nguyên kiện, các ký hiệu ghi trên chứng từ phải phù hợp trên bao bì hàng hoá; giao nhiều đợt trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng.

3.1.2 Số lượng và thời gian giao hàng: Được 2 bên thống nhất và Bên A thông báo cho Bên B trước 02 (hai) ngày.

3.2 Địa điểm giao hàng: Tại kho Bên A/tại một địa điểm theo thông báo của Bên A.

3.3 Về vận chuyển:

3.3.1 Phương tiện và chi phí vận chuyển:

- Bên B chịu trách nhiệm.
- Đơn vị vận chuyển phải kiểm tra xe, thùng xe, container đảm bảo an toàn, vệ sinh...

3.3.2 Chi phí bốc xếp: Mỗi bên chịu một đầu.

4. Điều kiện và phương thức thanh toán

4.1 Hình thức thanh toán:

Bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức chuyển khoản 100% bằng Việt Nam đồng vào tài khoản ngân hàng.

4.2 Phương thức thanh toán:

4.2.1 Thanh toán ngay sau khi xuất hóa đơn và giao nhận hàng bằng hình thức nhờ thu thông qua Ngân hàng. Trong trường hợp thời hạn thanh toán trùng thời điểm thứ 7, chủ nhật hoặc lễ tết, thời điểm thanh toán là ngày làm việc đầu tiên sau thời điểm nghỉ làm việc.

4.2.2 Trong trường hợp hai bên có thỏa thuận khác về thời hạn thanh toán, hai bên phải thỏa thuận bằng phụ lục Hợp đồng.

5. Kiểm soát quá trình sản xuất

Bên B chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ các nguyên vật liệu đầu vào do Sabeco cung cấp. Bên B chịu trách nhiệm sản xuất các sản phẩm theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo tài liệu ISO của Bên A.

Bên B chịu trách nhiệm kiểm soát quá trình sản xuất theo các điều khoản có liên quan trong Hợp đồng này và các tài liệu hướng dẫn/ quy định trong quá trình sản xuất liên quan do bên A chuyển giao cho bên B.

6. Bảo mật công nghệ

Trách nhiệm của Bên B:

Bảo mật các tài liệu mà Bên A đã cung cấp, không tiết lộ bí mật công nghệ cho bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm không để nhân viên của mình tiết lộ bí mật công nghệ Bên A.

Không sử dụng quy trình công nghệ Bên A chuyển giao cho Bên B sản xuất sản phẩm Bia Sài Gòn để sản xuất bất kỳ một loại bia nào mà không mang thương hiệu Bia Sài Gòn.

Có trách nhiệm đào tạo và cử nhân sự tham gia các khóa đào tạo do Bên A tổ chức, quy hoạch để đào tạo nâng cao kiến thức cho đội ngũ sản xuất.

7. Hiệu lực Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/03/2027.

Hợp Đồng này sẽ chấm dứt bằng thỏa thuận bằng văn bản của và giữa Các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.

Hợp Đồng này sẽ được coi là tự động thanh lý ngay sau khi Hai bên hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng và không còn bất kỳ khiếu nại, tranh chấp hoặc nghĩa vụ phát sinh nào chưa được giải quyết giữa Hai bên.

Những quy định nào của Hợp đồng này mà theo bản chất cần được bảo lưu hiệu lực sau khi chấm dứt thì vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành (bao gồm nhưng không giới hạn ở các điều khoản về: thanh toán, bảo đảm và bồi thường, bảo hành, bảo mật thông tin, luật áp dụng và giải quyết tranh chấp).

Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản, Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

**DỰ THẢO MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH
CỦA HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG
Năm 2026
Số: ...**

Hợp Đồng Sản xuất và Cung ứng này (“**Hợp Đồng**”) được lập ngày ...

BỞI và GIỮA:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Mã số DN: 0300583659

Địa chỉ: 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện:

*(sau đây gọi là “**SABECO**”)*

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU

Mã số DN: 1900333973

Địa chỉ: Lô B5, KCN Trà kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau

Đại diện:

*(sau đây gọi là “**Nhà Sản Xuất**”)*

VÀ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN

Mã số DN: 0303140574

Địa chỉ: 12 Đông Du, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện:

*(sau đây gọi là “**SATRACO**”)*

1. Đối tượng và phạm vi của hợp đồng

- SABECO cấp quyền sản xuất Sản Phẩm cho Nhà Sản Xuất để thực hiện việc sản xuất theo Quy Trình Sản Xuất và Tiêu Chuẩn Chất Lượng của SABECO vào từng thời điểm.
- Nhà Sản Xuất cam kết bán và SABECO thực hiện mua Sản Phẩm được sản xuất theo Hợp Đồng này. Nhà Sản Xuất không được bán bất kỳ Sản Phẩm nào cho bất kỳ bên nào khác ngoài SABECO, trừ khi được SABECO đồng ý bằng văn bản.
- SABECO theo đây đồng ý bán và SATRACO đồng ý mua Sản Phẩm do Nhà Sản Xuất sản xuất theo hợp đồng này để phân phối theo hướng dẫn của SABECO tại từng thời điểm.
- Danh mục Sản Phẩm, Tiêu Chuẩn Chất Lượng và Quy Trình Sản Xuất được mô tả cụ thể tại các phụ lục của Hợp Đồng.

2. Kế Hoạch Sản Xuất

- SABECO sẽ quyết định và thông báo cho Nhà Sản Xuất và SATRACO về Kế Hoạch Sản Xuất Hàng Năm. Theo đó, Kế Hoạch Sản Xuất Hàng Năm sẽ bao gồm nội dung là các danh mục chi tiết và số lượng tương ứng của Sản Phẩm sẽ được sản xuất và phân phối để Nhà Sản Xuất và SATRACO sắp xếp và thực hiện. SABECO, theo quyết định riêng của mình, có thể

điều chỉnh Kế Hoạch Sản Xuất Hằng Năm tùy từng thời điểm. Dựa theo Kế Hoạch Sản Xuất Hằng Năm, SABECO cung cấp kế hoạch sản xuất theo định kỳ hằng tuần sẽ bao gồm nội dung là danh mục chi tiết và số lượng tương ứng của Sản Phẩm mà SABECO dự kiến đặt hàng để Nhà Sản Xuất sắp xếp và thực hiện sản xuất.

- Trong mọi trường hợp, Nhà Sản Xuất sẽ luôn ưu tiên mọi nguồn lực để sản xuất Sản Phẩm theo yêu cầu của SABECO. Theo đó, trong suốt Thời Hạn của Hợp Đồng, Nhà Sản Xuất sẽ không đồng thời sản xuất bia khác không thuộc phạm vi Sản Phẩm như được định nghĩa tại Điều 1 dưới bất kỳ hình thức nào trừ khi được SABECO đồng ý bằng văn bản hoặc bằng một thỏa thuận khác giữa các bên.

3. Giao Hàng

- Sản Phẩm sẽ được giao tại kho của Nhà Sản Xuất.
- SATRACO sẽ thông báo cho Nhà Sản Xuất và SABECO thời gian giao hàng.
- Nhà Sản Xuất và SATRACO phối hợp với nhau để sắp xếp việc giao Sản Phẩm do SATRACO mua, tuy nhiên, SABECO có quyền giám sát quá trình giao hàng. Cước phí giao hàng sẽ do SATRACO chịu, nhưng việc xếp Sản Phẩm lên phương tiện vận chuyển và dỡ các Thùng Đựng Trả Lại từ phương tiện vận chuyển sẽ do Nhà Sản Xuất sắp xếp theo yêu cầu của SATRACO.
- Sản phẩm giao nhận phải dựa trên lô bia thành phẩm có hồ sơ truy xuất nguồn gốc, quy trình sản xuất và được kiểm nghiệm đạt chất lượng bởi SABECO khi xuất hàng.
- Nhà Sản Xuất thực hiện giao hàng khi SATRACO đã chuẩn bị đầy đủ phương tiện tại kho của Nhà Sản Xuất.

4. Giá và thanh toán

- Đơn giá mua Sản Phẩm do SABECO mua từ các Nhà Sản Xuất và đơn giá bán Sản Phẩm do SABECO bán cho SATRACO được quy định tại phụ lục của Hợp Đồng. SABECO bảo lưu quyền điều chỉnh đơn giá vào từng thời điểm theo quyết định riêng của mình bằng thông báo cho các Bên để ký phụ lục bổ sung.
- Tất cả giá cả trong Hợp Đồng này đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và Thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại thời điểm thanh toán.
- Đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng.

5. Thuế

- Mỗi Bên sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về các khoản thuế và chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình. Để làm rõ, Nhà Sản Xuất phải kê khai và nộp đầy đủ thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng đối với Sản Phẩm theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm soát chất lượng và trách nhiệm

- Nhà Sản Xuất phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng của Sản Phẩm từ khâu sản xuất, đóng gói, kiểm tra, thử nghiệm, xử lý, lưu kho và xếp/dỡ Sản Phẩm lên/xuống phương tiện vận chuyển theo các Tiêu Chuẩn Chất Lượng và các Thông số kỹ thuật của SABECO, Nhà Sản Xuất phải tuân thủ các yêu cầu về sản xuất Sản Phẩm được đưa ra bởi SABECO và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, SABECO

bảo lưu quyền chỉ định nhân sự thực hiện kiểm tra Sản Phẩm vào bất kỳ lúc nào trong quá trình Nhà Sản Xuất sản xuất Sản Phẩm.

- Khi phát hiện bất kỳ Sản Phẩm nào không phù hợp với Quy Trình Sản Xuất, Tiêu Chuẩn Chất Lượng và Thông số kỹ thuật, Bên Phát hiện phải thông báo ngay cho các Bên còn lại để các Bên cử đại diện được ủy quyền của mình xem xét tình hình, xác định thiệt hại và ghi nhận lại bằng biên bản.

7. Sở hữu trí tuệ

- Nhà Sản Xuất và SATRACO thừa nhận và đồng ý rằng SABECO là chủ sở hữu duy nhất đối với bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào liên quan đến Sản Phẩm.

8. Thời hạn và chấm dứt

- Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 cho đến khi được chấm dứt bằng một thỏa thuận bằng văn bản giữa Các Bên.

ĐẠI DIỆN SABECO

ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN XUẤT

ĐẠI DIỆN SATRACO

.....

.....

.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU**

Số: 07/TTr-HĐQT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua bản Điều lệ sửa đổi bổ sung cho phù hợp với Pháp luật Nhà nước hiện hành.

Nội dung điều chỉnh sửa đổi được đính kèm theo Tờ trình này.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

**PHỤ LỤC VỀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU**
(Đính kèm Tờ trình số 07/TTr-HĐQT, ngày 15 tháng 04 năm 2026)

Ghi chú:

- Các Điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là phân in đậm.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP (đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP) ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH NGÀY 06/04/2021	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH NGÀY 06/04/2021	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, <u>Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam</u> 	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam 	<p>Cập nhật địa giới hành chính.</p>
<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p>	
<p>1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Sản xuất bia (bia tươi, bia hơi, bia chai, bia hộp) và mạch nha ủ men bia; sản xuất rượu mạnh;</u> - <u>Kinh doanh dịch vụ ăn uống đặc sản;</u> - <u>Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;</u> - <u>Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất các loại đồ uống không cồn khác;</u> - <u>Mua bán đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết); mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);</u> - <u>Mua bán thực phẩm, lương thực, hàng nông sản sơ chế;</u> 	<p>1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:</p> <p>1103 (Chính) Sản xuất bia</p> <p>1104 Sản xuất mạch nha ủ men bia</p> <p>1101 Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh</p> <p>5629 Dịch vụ ăn uống khác</p> <p>1080 Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản</p> <p>1105 Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng</p> <p>4633 Bán buôn đồ uống</p> <p>4632 Bán buôn thực phẩm</p> <p>4631 Bán buôn gạo, lúa mì, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mì</p> <p>4620 Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu</p>	<p>Chỉnh sửa mã ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam chính thức có hiệu lực từ ngày 15/11/2025, thay thế Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg với nhiều thay đổi mới về ngành nghề kinh tế.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH NGÀY 06/04/2021	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<ul style="list-style-type: none"> - <u>Mua bán rác phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, rác thải, đồng nát; mua bán bã hèm; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;</u> - <u>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;</u> - <u>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.</u> 	<p>(trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống</p> <p>4679 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>4933 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p>5210 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</p> <p>3512 Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo</p>	
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) người.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p><u>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) người. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo số lượng thành viên không điều hành tối thiểu sau:</p> <p><i>a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</i></p> <p><i>b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</i></p> <p><i>c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị</i></p>	<p>Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025 (sửa đổi bổ sung NĐ 155/2020/NĐ-CP) quy định: “Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng <i>chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác</i>” đã mở rộng ra đến cả công ty TNHH.</p> <p>Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025 (sửa đổi bổ sung NĐ 155/2020/NĐ-CP) quy</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH NGÀY 06/04/2021	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<i>từ 09 đến 11 thành viên</i>	định về số lượng thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu.
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 7. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 4 Luật Chứng khoán.	Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025 (sửa đổi bổ sung NĐ 155/2020/NĐ-CP) quy định: “Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán”



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

Địa chỉ: Lô B5, KCN Trà Kha, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0291 3780 781

Website: www.biasaigonbaclieu.com

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(sửa đổi, bổ sung năm 2026)

(Ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2026)

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	5
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	6
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 17. Thay đổi các quyền	11
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	15

Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	19
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	21
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	22
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	24
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	25
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	25
Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp	25
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc	25
Điều 35. Thư ký Công ty	26
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	26
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	26
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	26
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	27
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	27
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	28
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	28
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	30
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	30
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	30
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	31
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	31
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	31
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	31

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.	32
.....	
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	32
Điều 48. Năm tài chính	32
Điều 49. Chế độ kế toán.....	32
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	32
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	32
Điều 51. Báo cáo thường niên	33
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	33
Điều 52. Kiểm toán.....	33
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	33
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	33
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	33
Điều 54. Giải thể công ty	33
Điều 55. Gia hạn hoạt động	34
Điều 56. Thanh lý	34
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	34
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	34
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 58. Điều lệ công ty	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	35
Điều 59. Ngày hiệu lực	35

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2026

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON-BACLIEU BEER JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: SAIGON-BACLIEU BEER JSC

2. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại: 02913 780781
- Fax: 02913 780 567
- E-mail: bsgbaclieu@gmail.com
- Website: www.biasaigonbaclieu.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3.3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

3.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc là 02 Người đại diện pháp luật của Công ty. Từng người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm riêng rẽ, giới hạn tương ứng trong phạm vi quyền và nghĩa vụ mà người đó được giao, phân công theo quy định trong Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty (không liên đới trách nhiệm).

3.5. Các quy định khác về Người đại diện theo pháp luật tuân thủ Luật Doanh Nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

1103 (Chính)	Sản xuất bia
1104	Sản xuất mạch nha ủ men bia
1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
5629	Dịch vụ ăn uống khác
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
1105	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
4633	Bán buôn đồ uống
4632	Bán buôn thực phẩm
4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
3512	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo

2. Mục tiêu hoạt động của công ty là huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 120.120.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.012.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp

- đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là *03 ngày* làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ *10%* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

- a) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng

- cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm

soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những

người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát:

Nếu số ứng viên lớn hơn số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Nếu số ứng viên bằng với số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự điểm a khoản 3 Điều này hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập

hợp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử

- không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) người. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo số lượng thành viên không điều hành tối thiểu sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc .

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và nghị quyết, biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;

- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Các cổ đông nắm g phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy

định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được

công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông

báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu (06 tháng) trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị

hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu nhất trí thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM THỊ HỒNG HẠNH